BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 79/2025/TT-BTC	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
	Hà Nội, ngày 04 tháng 08 năm 2025

THÔNG TƯ

Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy;

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đấu thầu;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và các mẫu hồ sơ đấu thầu, gồm:

1. Mẫu lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự án, dự toán mua sắm theo quy định tại Điều 1 và Điều 2 của Luật Đấu thầu;

2. Mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn; dịch vụ phi tư vấn; hàng hoá (trừ thuốc); xây lắp; thiết kế và cung cấp hàng hóa (EP); thiết kế và xây lắp (EC); cung cấp hàng hóa và xây lắp (PC); thiết kế, cung cấp hàng hóa và xây lắp (EPC); gói thầu cung cấp thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm và các dịch vụ đi kèm để vận hành thiết bị y tế (không bao gồm nhân công vận hành) theo số lượng dịch vụ kỹ thuật (sau đây gọi là gói thầu máy đặt, máy mượn) thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu được tổ chức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh trong nước theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ, một giai đoạn hai túi hồ sơ; chào giá trực tuyến; mua sắm trực tuyến;

3. Mẫu báo cáo lập hồ sơ mời thầu; tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ mời thầu; quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu; báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu qua mạng gói thầu dịch vụ phi tư vấn, hàng hoá (trừ thuốc), máy đặt, máy mượn, xây lắp, EPC, EP, EC, PC theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ, một giai đoạn hai túi hồ sơ; gói thầu dịch vụ tư vấn;

4. Các mẫu khác có liên quan đến lựa chọn nhà thầu qua mạng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân liên quan đến việc lựa chọn nhà thầu thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 của Thông tư này.

2. Tổ chức, cá nhân có hoạt động lựa chọn nhà thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 của Thông tư này nhưng chọn áp dụng quy định của Thông tư này. Trong trường hợp này, quy trình thực hiện theo *Hướng dẫn sử dụng* trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia* (sau đây gọi là Hệ thống) là hệ thống công nghệ thông tin do Bộ Tài chính xây dựng và quản lý theo quy định tại khoản 18 Điều 4 của Luật Đấu thầu có địa chỉ tại https://muasamcong.mof.gov.vn.

2. *Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp* là hệ thống thông tin nghiệp vụ chuyên môn về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

3. Các từ ngữ viết tắt tại Thông tư này và trên Hệ thống bao gồm:

a) *E-TBMST* là thông báo mời sơ tuyển qua mạng;

b) *E-TBMQT* là thông báo mời quan tâm qua mạng;

c) *E-TBMT* là thông báo mời thầu qua mạng;

d) *E-HSMQT* là hồ sơ mời quan tâm qua mạng;

đ) *E-HSQT* là hồ sơ quan tâm qua mạng;

e) *E-HSMST* là hồ sơ mời sơ tuyển qua mạng;

g) *E-HSDST* là hồ sơ dự sơ tuyển qua mạng;

h) *E-HSMT* là hồ sơ mời thầu đối với đấu thầu rộng rãi qua mạng, đấu thầu hạn chế qua mạng, chào hàng cạnh tranh qua mạng;

i) *E-HSDT* là hồ sơ dự thầu đối với đấu thầu rộng rãi qua mạng, đấu thầu hạn chế qua mạng, chào hàng cạnh tranh qua mạng;

k) *E-HSĐXKT* là hồ sơ đề xuất về kỹ thuật qua mạng;

l) *E-HSĐXTC* là hồ sơ đề xuất về tài chính qua mạng.

4. *Văn bản điện tử* là văn bản, thông tin được gửi, nhận và lưu trữ thành công trên Hệ thống, bao gồm:

a) Thông tin về dự án;

b) Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu; kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

c) E-TBMQT, E-TBMST, E-TBMT, thông báo mời thầu, thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời quan tâm;

d) Danh sách ngắn;

đ) E-HSMQT, E-HSQT, E-HSMST, E-HSDST, E-HSMT, E-HSDT, điều khoản tham chiếu, hồ sơ lý lịch khoa học, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu; nội dung làm rõ E-HSMST, E-HSDST, E-HSMQT, E-HSQT, E-HSMT, E-HSDT, E-HSĐXKT, E-HSĐXTC, điều khoản tham chiếu, hồ sơ lý lịch khoa học, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu; nội dung sửa đổi E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT, điều khoản tham chiếu, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu; gia hạn thời điểm đóng thầu; hủy E-TBMQT, E-TBMST, E-TBMT, thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời thầu;

e) Thỏa thuận liên danh;

g) Biên bản mở thầu, biên bản mở E-HSĐXKT, biên bản mở E-HSĐXTC;

h) Báo cáo đánh giá E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT;

i) Kết quả lựa chọn nhà thầu;

k) Nội dung kiến nghị kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan đến quá trình lựa chọn nhà thầu qua mạng;

l) Tờ trình, quyết định phê duyệt E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT, điều khoản tham chiếu, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu; quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng;

m) Báo cáo thẩm định E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT; Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu;

n) Đề nghị phát hành, sửa đổi, gia hạn, giải tỏa bảo lãnh điện tử;

o) Hợp đồng điện tử;

p) Văn bản dưới dạng điện tử khác được trao đổi trên Hệ thống.

5. *Thông tin không hợp lệ* là thông tin do đối tượng quy định tại Điều 2 của Thông tư này đăng tải trên Hệ thống không tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

6. *Chứng thư số sử dụng trên Hệ thống* là chứng thư số công cộng do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cấp hoặc chứng thư số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ cấp.

7. *Hướng dẫn sử dụng* là tài liệu điện tử được đăng tải trên Hệ thống để hướng dẫn người dùng thực hiện các giao dịch trên Hệ thống.

8. *Tổ chức tham gia Hệ thống* là các cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia Hệ thống với một hoặc một số vai trò như sau:

a) Chủ đầu tư;

b) Bên mời thầu, bên mời quan tâm (đối với lựa chọn nhà đầu tư);

c) Cơ quan có thẩm quyền (đối với lựa chọn nhà đầu tư);

d) Nhà thầu (cá nhân, nhóm cá nhân tham gia gói thầu tư vấn cá nhân; cá nhân, nhóm cá nhân khởi nghiệp sáng tạo tham gia gói thầu mua sắm hàng hóa; tổ chức; hộ kinh doanh);

đ) Đơn vị quản lý về đấu thầu;

e) Khối nhà sản xuất (nhà sản xuất, văn phòng đại diện, đại lý của nhà sản xuất) đăng ký tham gia Hệ thống để phản hồi về thông tin mà nhà thầu phản ánh.

9. *Tài khoản tham gia Hệ thống* là tài khoản do Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia (sau đây gọi là Trung tâm) cấp cho Tổ chức tham gia Hệ thống để thực hiện một hoặc một số vai trò quy định tại khoản 8 Điều này.

10. *Tài khoản nghiệp vụ* là tài khoản được tạo bởi Tài khoản tham gia Hệ thống để thực hiện các nghiệp vụ trên Hệ thống.

11. *Doanh nghiệp dự án e-GP* là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hệ thống đấu thầu qua mạng quốc gia do Nhà đầu tư (Công ty TNHH FPT IS) thành lập theo quy định tại Hợp đồng BOT Dự án e-GP. Doanh nghiệp dự án e-GP và Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia thực hiện trách nhiệm của tổ chức vận hành Hệ thống quy định tại Điều 52 của Luật Đấu thầu.

12. *Hợp đồng BOT dự án e-GP* là hợp đồng được ký kết giữa Bộ Tài chính với Nhà đầu tư (Công ty TNHH FPT IS) để đầu tư, thiết kế, xây dựng, vận hành, bảo trì, nâng cấp và chuyển giao Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo hình thức đối tác công tư.

13. *Khóa tài khoản* là việc tài khoản của nhà thầu bị khóa chức năng tham dự thầu trên Hệ thống.

Điều 4. Áp dụng các Mẫu hồ sơ và Phụ lục

1. Mẫu lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu gồm:

a) Mẫu số 01A được sử dụng để lập Tờ trình kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu;

b) Mẫu số 01B được sử dụng để lập Quyết định phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu.

Trường hợp cần điều chỉnh một số nội dung thuộc kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt thì chỉ lập, trình, phê duyệt đối với các nội dung có sự thay đổi, điều chỉnh.

2. Mẫu lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gồm:

a) Mẫu số 02A được sử dụng để lập Tờ trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

b) Mẫu số 02B được sử dụng để lập Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Trường hợp cần điều chỉnh một số nội dung thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt thì chỉ lập, trình, phê duyệt đối với các nội dung có sự thay đổi, điều chỉnh. Đối với phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, khi đủ điều kiện để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì chỉ lập, trình, phê duyệt cho phần công việc này mà

không phải lập, trình, phê duyệt lại cho phần công việc đã được phê duyệt trước đó. Trường hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng có thay đổi về thời gian thực hiện gói thầu so với kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt thì không phải điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

3. Đối với gói thầu xây lắp:

a) Mẫu số 3A được sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ;

b) Mẫu số 3B được sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ;

c) Mẫu số 3C được sử dụng để lập E-HSMST.

4. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa (bao gồm cả trường hợp mua sắm tập trung):

a) Mẫu số 4A được sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ;

b) Mẫu số 4B được sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ;

c) Mẫu số 4C được sử dụng để lập E-HSMST.

5. Đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn:

a) Mẫu số 5A được sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ;

b) Mẫu số 5B được sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ;

c) Mẫu số 5C được sử dụng để lập E-HSMST.

6. Đối với gói thầu dịch vụ tư vấn:

a) Mẫu số 6A được sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ;

b) Mẫu số 6B được sử dụng để lập E-HSMQT;

c) Mẫu số 6C được sử dụng để lập các biểu mẫu dành cho tư vấn cá nhân.

7. Đối với gói thầu EP:

a) Mẫu số 7A được sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ;

b) Mẫu số 7B được sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ;

c) Mẫu số 7C được sử dụng để lập E-HSMST.

8. Đối với gói thầu EC:

a) Mẫu số 8A được sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ;

b) Mẫu số 8B được sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ;

c) Mẫu số 8C được sử dụng để lập E-HSMST.

9. Đối với gói thầu PC:

a) Mẫu số 9A được sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ;

b) Mẫu số 9B được sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ;

c) Mẫu số 9C được sử dụng để lập E-HSMST.

10. Đối với gói thầu EPC:

a) Mẫu số 10A được sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ;

b) Mẫu số 10B được sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ;

c) Mẫu số 10C được sử dụng để lập E-HSMST.

11. Đối với gói thầu máy đặt, máy mượn:

a) Mẫu số 11A được sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ;

b) Mẫu số 11B được sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.

Đối với dịch vụ kỹ thuật trong lĩnh vực y tế mà nhiều cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có nhu cầu mua sắm cùng loại thì có thể gộp thành một gói thầu để một trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh mua sắm hoặc để đơn vị có chức năng mua sắm tập trung thực hiện việc mua sắm. Trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tổng hợp nhu cầu của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác để hình thành gói thầu máy đặt, máy mượn thì thực hiện theo một trong hai cách thức sau đây: cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tiến hành lựa chọn nhà thầu, trực tiếp ký hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn; hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tiến hành lựa chọn nhà thầu, ký văn bản thỏa thuận khung với một hoặc nhiều nhà thầu được lựa chọn làm cơ sở để các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ký hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn.

12. Đối với chào giá trực tuyến:

a) Mẫu số 12A được sử dụng để lập hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa qua mạng một giai đoạn một túi hồ sơ áp dụng hình thức chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường;

b) Mẫu số 12B được sử dụng để lập hồ sơ mời thầu dịch vụ phi tư vấn qua mạng một giai đoạn một túi hồ sơ áp dụng hình thức chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường;

c) Mẫu số 12C được sử dụng để lập mẫu mời chào giá trực tuyến gói thầu mua sắm hàng hóa theo quy trình rút gọn;

d) Mẫu số 12D được sử dụng để lập mẫu mời chào giá trực tuyến gói thầu dịch vụ phi tư vấn theo quy trình rút gọn;

đ) Mẫu số 12E được sử dụng để lập mẫu chào giá trực tuyến gói thầu xây lắp theo quy trình rút gọn;

e) Mẫu số 12G được sử dụng để lập mẫu mời chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn trong trường hợp xử lý tình huống theo Điều 140 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

13. Mẫu số 13 được sử dụng để mua sắm trực tuyến.

14. Đối với Mẫu báo cáo đánh giá:

a) Mẫu số 14A được sử dụng để lập báo cáo đánh giá E-HSDT theo quy trình 01 quy định tại điểm a khoản 1 Điều 30 của Thông tư này cho gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, EPC, EP, EC, PC, máy đặt, máy mượn, chào giá trực tuyến quy trình thông thường theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ;

b) Mẫu số 14B được sử dụng để lập báo cáo đánh giá E-HSDT theo quy trình 02 quy định tại điểm b khoản 1 Điều 30 của Thông tư này cho gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, máy đặt, máy mượn theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ;

c) Mẫu số 14C được sử dụng để lập báo cáo đánh giá E-HSDT cho gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, EPC, EP, EC, PC, máy đặt, máy mượn theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ;

d) Mẫu số 14D được sử dụng để lập báo cáo đánh giá E-HSDT cho gói thầu dịch vụ tư vấn theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.

15. Phụ lục:

a) Phụ lục 1A: Mẫu Tờ trình đề nghị phê duyệt E-HSMT, hồ sơ mời thầu của tổ chuyên gia;

b) Phụ lục 1B: Mẫu Quyết định phê duyệt E-HSMT, hồ sơ mời thầu;

c) Phụ lục 2: Mẫu Quyết định phê duyệt danh sách ngắn đối với gói thầu đấu thầu qua mạng có áp dụng sơ tuyển, mời quan tâm;

d) Phụ lục 3: Mẫu Quyết định phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật đối với gói thầu theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ;

đ) Phụ lục 4A: Mẫu biên bản đối chiếu tài liệu (đối với tất cả các gói thầu);

e) Phụ lục 4B: Mẫu biên bản thương thảo hợp đồng (đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, phi tư vấn, EPC, EP, EC, PC);

g) Phụ lục 4C: Mẫu biên bản thương thảo hợp đồng (đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn);

h) Phụ lục 5: Mẫu Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu đối với đấu thầu qua mạng;

i) Phụ lục 6: Mẫu Bản cam kết;

k) Phụ lục 7: Mẫu thông tin văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu;

l) Phụ lục 8: Mẫu thông báo thông tin về nhà thầu nước ngoài trúng thầu tại Việt Nam;

m) Phụ lục 9: Mẫu thông tin xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu.

16. Đối với gói thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 3 của Luật Đấu thầu, vai trò của tổ chức, cá nhân trình và phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu; trình, thẩm định (nếu có), phê duyệt E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện theo Luật Đấu thầu và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thực hiện Luật Đấu thầu; nội dung kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT thực hiện theo quy định tại điều ước quốc tế, thỏa thuận vay. Trường hợp điều ước quốc tế, thỏa thuận vay yêu cầu áp dụng quy định của nhà tài trợ thì nếu được nhà tài trợ chấp thuận, việc lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu; E-HSMT, E-HSMQT, E-HSMST, báo cáo đánh giá E-HSDT, E-HSQT, E-HSDST được áp dụng các Mẫu quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 và 15 Điều này.

Thông tin về đấu thầu đối với gói thầu thuộc dự án quy định tại khoản này được khuyến khích đăng tải trên mục "vốn khác" của Hệ thống.

17. Đối với dự án, gói thầu có chứa thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước thì không phải cung cấp, đăng tải thông tin bí mật đó theo quy định của Thông tư này. Việc quản lý thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

18. Việc phân chia thành các gói thầu EPC, EP, EC, PC phải đảm bảo phù hợp với pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực (nếu có), đồng thời đảm bảo nguyên tắc quy định tại Điều 37 của Luật Đấu thầu, không được phân chia thành các gói thầu này nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu theo quy định tại điểm l khoản 6 Điều 16 Luật Đấu thầu.

Điều 5. Quy định về định dạng của tệp tin (file) đính kèm

1. Tệp tin (file) đăng tải trên Hệ thống phải bảo đảm:

a) Các file mở, đọc được bằng các phần mềm thông dụng như: các phần mềm đọc, soạn thảo văn bản MS Office hoặc Open Office; các phần mềm đọc file PDF; các phần mềm thiết kế thông dụng như AutoCad, Photoshop; phần mềm đọc file ảnh tích hợp sẵn trên Hệ điều hành Windows. Các file sử dụng phông chữ thuộc bảng mã Unicode;

b) Các file nén mở được bằng các phần mềm giải nén thông dụng như phần mềm giải nén ZIP tích hợp sẵn trên hệ điều hành Windows hoặc phần mềm giải nén Rar hoặc 7Zip. Trường hợp sử dụng file nén, các file sau khi giải nén phải có định dạng quy định tại điểm a khoản này;

c) Không bị nhiễm virus, không bị lỗi, hỏng và không thiết lập mật khẩu.

2. Trường hợp file đính kèm trong hồ sơ mời quan tâm, E-HSMQT, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMST, hồ sơ mời thầu, E-HSMT, điều khoản tham chiếu, mời chào giá trực tuyến,

mua sắm trực tuyến không đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này hoặc vì lý do khác dẫn đến không thể mở hoặc không đọc được thì chủ đầu tư phải đăng tải và phát hành lại toàn bộ hồ sơ mời quan tâm, E-HSMQT, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMST, hồ sơ mời thầu, E-HSMT, điều khoản tham chiếu, mời chào giá trực tuyến, mua sắm trực tuyến.

3. Trường hợp file đính kèm trong E-HSDT, E-HSQT, E-HSDST, hồ sơ lý lịch khoa học không đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này dẫn đến không thể mở hoặc không đọc được thì các file này không được xem xét, đánh giá.

Điều 6. Xử lý kỹ thuật trong trường hợp Hệ thống gặp sự cố ngoài khả năng kiểm soát

1. Trường hợp gặp sự cố dẫn đến Hệ thống không thể vận hành thì các gói thầu lựa chọn nhà thầu qua mạng có thời điểm đóng thầu, thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến, thời điểm xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng đối với chào giá trực tuyến rút gọn, thời điểm xác nhận đơn hàng hoặc từ chối đơn hàng mua sắm trực tuyến, thời điểm hết hạn làm rõ E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT, điều khoản tham chiếu, E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT, hồ sơ lý lịch khoa học trong thời gian từ khi Hệ thống bị sự cố cho đến thời điểm sau hoàn thành khắc phục sự cố 02 giờ sẽ được Hệ thống tự động gia hạn đến thời điểm đóng thầu mới, thời điểm hết hạn làm rõ E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT, điều khoản tham chiếu, E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT, hồ sơ lý lịch khoa học, thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến, thời điểm xác nhận đơn hàng hoặc từ chối đơn hàng mua sắm trực tuyến mới là sau 06 giờ kể từ thời điểm hoàn thành khắc phục sự cố.

2. Trường hợp thời điểm đóng thầu, thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến, thời điểm xác nhận đơn hàng hoặc từ chối đơn hàng mua sắm trực tuyến mới và thời điểm hết hạn làm rõ E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT, E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT mới theo quy định tại khoản 1 Điều này sau 17 giờ 00 phút và trước 11 giờ 00 phút ngày tiếp theo thì Hệ thống tự động gia hạn đến 11 giờ 00 phút của ngày tiếp theo;

Đối với chào giá trực tuyến, trường hợp 11 giờ 00 phút ngày tiếp theo không thuộc ngày làm việc thì thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến mới được gia hạn đến 11 giờ 00 phút của ngày làm việc gần nhất.

3. Trường hợp Hệ thống tự động gia hạn thời điểm đóng thầu theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì việc đánh giá E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT, hồ sơ lý lịch khoa học được thực hiện trên cơ sở thời điểm đóng thầu nêu trong E-TBMQT, E-TBMST, E-TBMT trước thời điểm Hệ thống gặp sự cố hoặc thời điểm đóng thầu mà Hệ thống tự động gia hạn.

Điều 7. Quản lý tài khoản và sử dụng chứng thư số

1. Tạo lập tài khoản nghiệp vụ:

Tài khoản tham gia Hệ thống tạo, phân quyền cho Tài khoản nghiệp vụ tương ứng với các vai trò của Tổ chức tham gia Hệ thống được quy định tại khoản 8 Điều 3 của Thông tư này; khóa, mở khóa; thiết lập lại mật khẩu, hình thức xác thực, thiết bị xác thực đăng nhập cho Tài khoản nghiệp vụ.

2. Sử dụng chứng thư số trên Hệ thống:

a) Tổ chức, cá nhân được cấp chứng thư số khi tham gia Hệ thống phải đăng ký sử dụng chứng thư số theo *Hướng dẫn sử dụng*. Chứng thư số sử dụng trên Hệ thống là chứng thư số được cấp cho tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 8 Điều 3 của Thông tư này;

b) Chứng thư số được sử dụng để tạo chữ ký số và xác thực tổ chức, cá nhân;

c) Việc đăng ký sử dụng, thay đổi, hủy thông tin chứng thư số của Tổ chức, cá nhân tham gia Hệ thống thực hiện trên Hệ thống theo *Hướng dẫn sử dụng*;

d) Tổ chức, cá nhân tham gia Hệ thống có trách nhiệm đảm bảo tính chính xác của chứng thư số sử dụng trên Hệ thống.

Điều 8. Gửi, nhận văn bản điện tử trên Hệ thống

1. Văn bản điện tử quy định tại khoản 4 Điều 3 của Thông tư này có giá trị pháp lý, làm cơ sở đối chiếu, so sánh, xác thực thông tin phục vụ công tác đánh giá, thẩm định, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và giải ngân theo quy định của pháp luật.

2. Thời điểm gửi, nhận văn bản điện tử được xác định căn cứ theo thời gian thực ghi lại trên Hệ thống. Văn bản điện tử đã gửi thành công được lưu trữ trên Hệ thống.

3. Khi người sử dụng gửi văn bản điện tử trên Hệ thống, Hệ thống phải phản hồi cho người sử dụng về việc gửi thành công hoặc không thành công.

4. Tổ chức tham gia Hệ thống đăng ký thành công trên Hệ thống được quyền truy xuất tình trạng văn bản điện tử của mình và các thông tin khác trên Hệ thống. Thông tin về lịch sử giao dịch được sử dụng để giải quyết tranh chấp (nếu có) về việc gửi, nhận văn bản điện tử trên Hệ thống.

5. Tổ chức, cá nhân thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và giải ngân không được yêu cầu cung cấp văn bản giấy khi việc tra cứu, truy xuất văn bản điện tử tương ứng có thể thực hiện được trên Hệ thống, trừ trường hợp cần kiểm tra, xác nhận bằng văn bản gốc.

Điều 9. Điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin

Tổ chức, cá nhân tham gia Hệ thống phải đáp ứng yêu cầu về hạ tầng công nghệ thông tin quy định tại khoản 14 Điều 78, khoản 3 Điều 79 và điểm a khoản 3 Điều 82 của Luật Đấu thầu và được hướng dẫn chi tiết tại *Hướng dẫn sử dụng.*

Điều 10. Kết nối Hệ thống với Hệ thống thông tin về quản lý ngân sách và kho bạc

Việc gửi hồ sơ thanh quyết toán đến Kho bạc Nhà nước được thực hiện trên Hệ thống theo *Hướng dẫn sử dụng* thông qua việc kết nối với Hệ thống thông tin về quản lý ngân sách và kho bạc. Nhà thầu không phải cung cấp thông tin, tài liệu cho Kho bạc Nhà nước đối với các thông tin, tài liệu được lưu trữ trên Hệ thống, bao gồm cả văn bản điện tử quy định tại khoản 4 Điều 3 của Thông tư này.

Chương II CUNG CẤP, ĐĂNG TẢI THÔNG TIN VỀ ĐẤU THẦU

Điều 11. Cung cấp thông tin để xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về nhà thầu, chất lượng hàng hóa đã được sử dụng

1. Thông tin về tình trạng pháp lý của nhà thầu:

Hệ thống trích xuất thông tin về tình trạng pháp lý, báo cáo tài chính và các thông tin khác của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh lưu trữ tại Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký hộ kinh doanh. Đối với nhà thầu chưa đăng ký trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký hộ kinh doanh, nhà thầu cung cấp thông tin khi đăng ký tham gia Hệ thống.

2. Thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu:

a) Nhà thầu kê khai thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 19 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp nhà thầu có các chứng chỉ theo quy định của pháp luật thì kê khai các chứng chỉ này trên Hệ thống.

b) Nhà thầu chủ động cập nhật thông tin về năng lực, kinh nghiệm của mình theo quy định tại điểm a khoản này trên Hệ thống và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác đối với các thông tin đã kê khai trên Hệ thống. Trường hợp nhà thầu tự thực hiện việc chỉnh sửa trên Hệ thống, Hệ thống sẽ lưu lại toàn bộ các thông tin trước và sau khi nhà thầu thực hiện chỉnh sửa. Thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu được xác thực bằng chữ ký số của nhà thầu.

c) Nhà thầu phải đính kèm các văn bản, tài liệu để chứng minh tính xác thực về năng lực, kinh nghiệm, tài liệu đính kèm được lưu trữ và quản lý trên Hệ thống.

d) Trường hợp nhà thầu kê khai không trung thực nhằm thu được lợi ích tài chính hoặc lợi ích khác hoặc nhằm trốn tránh bất kỳ một nghĩa vụ nào thì bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu.

đ) Đối với nội dung thông tin về số liệu về báo cáo tài chính, trường hợp số liệu về báo cáo tài chính trên Hệ thống đã được trích xuất từ Hệ thống thuế điện tử và Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì nhà thầu không phải kê khai số liệu về báo cáo tài chính. Đối với số liệu báo cáo tài chính từ năm 2021 trở đi, trường hợp nhà thầu phát hiện Hệ thống chưa cập nhật số liệu so với Hệ thống thuế điện tử, Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì nhà thầu sửa đổi cho phù hợp với số liệu đã báo cáo với cơ quan thuế, Hệ thống sẽ lưu lại các phiên bản sửa đổi thông tin của nhà thầu.

3. Chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp thông tin về uy tín của nhà thầu trong việc tham dự thầu theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 19 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

4. Đơn vị mua sắm tập trung có trách nhiệm cung cấp thông tin về thỏa thuận khung theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP trên Hệ thống.

5. Chủ đầu tư hoặc đơn vị có nhu cầu mua sắm trong mua sắm tập trung có trách nhiệm cung cấp thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 19 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

6. Chủ đầu tư hoặc đơn vị có nhu cầu mua sắm trong mua sắm tập trung có trách nhiệm cung cấp thông tin về chất lượng hàng hóa đã được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

7. Chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp thông tin về xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 của Luật Đấu thầu.

Điều 12. Thông tin chủ yếu của hợp đồng, thỏa thuận khung

1. Thông tin chủ yếu của hợp đồng gồm: số hiệu hợp đồng, chủ thể hợp đồng, giá hợp đồng, loại hợp đồng, thời gian thực hiện gói thầu theo quy định tại khoản 7 Điều 39 của Luật Đấu thầu, thời gian thực hiện hợp đồng (được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng), thời điểm hợp đồng bắt đầu có hiệu lực, danh sách nhà thầu phụ (nếu có), phạm vi công việc của hợp đồng, các thông tin khác (nếu có).

2. Chủ đầu tư hoặc đơn vị có nhu cầu mua sắm trong mua sắm tập trung có trách nhiệm cung cấp thông tin chủ yếu của hợp đồng chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại khoản 4 Điều 8 của Luật Đấu thầu.

3. Đối với mua sắm tập trung, đơn vị mua sắm tập trung công khai thông tin chủ yếu của thỏa thuận khung trên Hệ thống chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày thỏa thuận khung có hiệu lực, bao gồm các thông tin: số hiệu thỏa thuận khung, đơn vị mua sắm tập trung, giá trị thỏa thuận khung, loại hợp đồng, thời hạn có hiệu lực của thỏa thuận khung, phạm vi công việc của thỏa thuận khung, các thông tin khác (nếu có).

Điều 13. Thông tin về dự án, kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Thời gian đăng tải:

Thông tin về kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu được chủ đầu tư đăng tải trên Hệ thống theo quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 4 Điều 8 của Luật Đấu thầu và khoản 5 Điều 16 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

2. Khi đăng tải kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, chủ đầu tư đính kèm các tài liệu là căn cứ lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Đối với kế hoạch lựa chọn nhà thầu, thông tin cơ bản về dự án được đăng tải đồng thời với kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

3. Trường hợp gói thầu có dự toán được duyệt sau khi phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP thì dự toán được duyệt phải được đăng tải trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 05 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu hoặc tối thiểu 03 ngày đối với gói thầu mua sắm hàng hóa có biến động về giá liên tục theo thị trường.

4. Tài liệu đính kèm:

Chủ đầu tư phải đính kèm quyết định phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu trong quá trình đăng tải kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Điều 14. Thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển, E-TBMQT, E-TBMST

Chủ đầu tư đăng tải thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển, E-TBMQT, E-TBMST trên Hệ thống theo tiến độ tổ chức lựa chọn nhà thầu và phù hợp với thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Việc hủy thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển, E-TBMQT, E-TBMST chỉ được thực hiện trước thời điểm đóng thầu, trừ trường hợp không có nhà thầu nộp hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, E-HSQT, E-HSDST.

Điều 15. Phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMQT, E-HSMST

1. Phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMQT, E-HSMST:

Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMQT, E-HSMST được phê duyệt và phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi đăng tải thành công thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời quan tâm, E-TBMQT, E-TBMST.

Chủ đầu tư không được phát hành bản giấy hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển cho nhà thầu. Trường hợp chủ đầu tư phát hành bản giấy cho nhà thầu thì bản giấy không có giá trị pháp lý để lập, đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển.

2. Sửa đổi hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMQT, E-HSMST:

a) Đối với lựa chọn nhà thầu không qua mạng, trường hợp sửa đổi hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển sau khi phát hành, chủ đầu tư phải đăng tải các tài liệu theo một trong hai cách sau đây trên Hệ thống: quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển; hoặc quyết định sửa đổi và hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển đã được sửa đổi, trong hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển đã được sửa đổi phải thể hiện rõ nội dung sửa đổi.

b) Đối với lựa chọn nhà thầu qua mạng, trường hợp sửa đổi E-HSMQT, E-HSMST sau khi phát hành, chủ đầu tư phải đăng tải các tài liệu sau đây trên Hệ thống: Quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi E-HSMQT, E-HSMST; E-HSMQT, E-HSMST đã được sửa đổi.

3. Làm rõ hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMQT, E-HSMST:

a) Trường hợp cần làm rõ hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMQT, E-HSMST, nhà thầu gửi đề nghị làm rõ đến chủ đầu tư thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu;

b) Chủ đầu tư trả lời yêu cầu làm rõ hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMQT, E-HSMST trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu;

c) Nội dung làm rõ hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMQT, E-HSMST không được trái với nội dung của hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMQT, E-HSMST đã được phê duyệt. Trường hợp việc tiếp nhận nội dung yêu cầu làm rõ hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMQT, E-HSMST dẫn đến phải sửa đổi hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMQT, E-HSMST thì việc sửa đổi hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMQT, E-HSMST thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 16. Danh sách ngắn đối với gói thầu áp dụng sơ tuyển, mời quan tâm

1. Đối với đấu thầu qua mạng, chủ đầu tư phê duyệt kết quả sơ tuyển, mời quan tâm trên Hệ thống. Tài liệu đính kèm bao gồm: báo cáo đánh giá E-HSDST, E-HSQT (đăng tải báo cáo đánh giá tổng hợp, không cần kèm theo các phiếu chấm của thành viên trong tổ chuyên gia).

2. Đối với đấu thầu không qua mạng:

a) Chủ đầu tư đăng tải danh sách ngắn trên Hệ thống chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày danh sách ngắn được ban hành;

b) Tài liệu đính kèm bao gồm: Quyết định phê duyệt danh sách ngắn; Báo cáo đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm (đăng tải báo cáo đánh giá tổng hợp, không kèm theo các phiếu chấm của thành viên trong tổ chuyên gia).

Điều 17. Thông báo mời thầu, E-TBMT

Chủ đầu tư đăng tải thông báo mời thầu, E-TBMT trên Hệ thống theo tiến độ tổ chức lựa chọn nhà thầu và phù hợp với thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Việc sửa đổi, hủy thông báo mời thầu, E-TBMT chỉ được thực hiện trước thời điểm đóng thầu, trừ trường hợp không có nhà thầu nào nộp hồ sơ dự thầu, E-HSDT, hồ sơ lý lịch khoa học.

Điều 18. Phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu, E-HSMT, điều khoản tham chiếu theo quy trình thông thường

1. Phát hành hồ sơ mời thầu, E-HSMT, điều khoản tham chiếu:

Hồ sơ mời thầu, E-HSMT, điều khoản tham chiếu được phê duyệt trên Hệ thống.

Đối với lựa chọn nhà thầu không qua mạng, hồ sơ mời thầu được phát hành trên Hệ thống ngay sau khi đăng tải thành công thông báo mời thầu. Đối với gói thầu áp dụng thủ tục lựa chọn danh sách ngắn, thư mời thầu kèm theo hồ sơ mời thầu được gửi trên Hệ thống cho các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn.

Chủ đầu tư không được phát hành hồ sơ mời thầu bản giấy cho nhà thầu, trường hợp chủ đầu tư phát hành bản giấy cho nhà thầu thì bản giấy không có giá trị pháp lý để lập, đánh giá hồ sơ dự thầu.

2. Sửa đổi hồ sơ mời thầu, E-HSMT, điều khoản tham chiếu:

a) Đối với lựa chọn nhà thầu không qua mạng, trường hợp sửa đổi hồ sơ mời thầu sau khi phát hành, chủ đầu tư phải đăng tải các tài liệu theo một trong hai cách sau đây trên Hệ

thống: quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi hồ sơ mời thầu; hoặc quyết định sửa đổi và hồ sơ mời thầu đã được sửa đổi, trong hồ sơ mời thầu đã được sửa đổi phải thể hiện rõ nội dung sửa đổi.

b) Đối với lựa chọn nhà thầu qua mạng, trường hợp sửa đổi E-HSMT, điều khoản tham chiếu sau khi phát hành, chủ đầu tư phải đăng tải các tài liệu sau đây trên Hệ thống: quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi E-HSMT, điều khoản tham chiếu; E-HSMT, điều khoản tham chiếu đã được sửa đổi.

3. Làm rõ hồ sơ mời thầu, E-HSMT, điều khoản tham chiếu:

a) Đối với lựa chọn nhà thầu không qua mạng, trường hợp cần làm rõ hồ sơ mời thầu, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến chủ đầu tư thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc (đối với đấu thầu trong nước), tối thiểu 05 ngày làm việc (đối với đấu thầu quốc tế) trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý.

Đối với lựa chọn nhà thầu qua mạng, trường hợp cần làm rõ E-HSMT, điều khoản tham chiếu, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến chủ đầu tư thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý.

b) Chủ đầu tư tiếp nhận nội dung yêu cầu làm rõ của nhà thầu và trả lời yêu cầu làm rõ hồ sơ mời thầu, E-HSMT, điều khoản tham chiếu trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu;

c) Nội dung làm rõ hồ sơ mời thầu, E-HSMT, điều khoản tham chiếu không được trái với nội dung của hồ sơ mời thầu, E-HSMT, điều khoản tham chiếu đã được phê duyệt. Trường hợp việc tiếp nhận nội dung yêu cầu làm rõ hồ sơ mời thầu, E-HSMT, điều khoản tham chiếu dẫn đến phải sửa đổi hồ sơ mời thầu, E-HSMT, điều khoản tham chiếu thì việc sửa đổi hồ sơ mời thầu, E-HSMT, điều khoản tham chiếu thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này;

d) Trong trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong hồ sơ mời thầu, E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ. Chủ đầu tư đăng tải giấy mời tham dự hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống. Nội dung trao đổi giữa chủ đầu tư và nhà thầu phải được chủ đầu tư ghi lại thành biên bản và đăng tải trên Hệ thống trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu.

Điều 19. Hủy, gia hạn, sửa đổi thông tin đã đăng tải

Việc hủy, gia hạn, sửa đổi thông tin đã đăng tải được thực hiện theo *Hướng dẫn sử dụng*.

Điều 20. Kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Đối với đấu thầu qua mạng:

a) Chủ đầu tư phê duyệt và đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống;

b) Tài liệu đính kèm bao gồm: báo cáo đánh giá E-HSDT (đăng tải báo cáo đánh giá tổng hợp, không cần kèm theo các phiếu chấm của thành viên trong tổ chuyên gia).

2. Đối với đấu thầu không qua mạng:

a) Chủ đầu tư đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

b) Tài liệu đính kèm bao gồm: Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu (đăng tải báo cáo đánh giá tổng hợp, không kèm theo các phiếu chấm của thành viên trong tổ chuyên gia).

3. Trường hợp giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt điều chỉnh theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP thì chủ đầu tư phải đăng tải quyết định điều chỉnh giá gói thầu trên Hệ thống trước thời điểm hết hạn chào lại giá dự thầu.

4. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa phải công khai chi tiết thông tin về các hạng mục hàng hóa trúng thầu bao gồm các nội dung sau:

a) Danh mục hàng hóa;

b) Ký mã hiệu;

c) Nhãn hiệu;

d) Năm sản xuất;

đ) Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ);

e) Hãng sản xuất;

g) Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản;

h) Đơn vị tính;

i) Khối lượng;

k) Mã Chương, mã Nhóm (tương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) trong Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa theo Hệ thống phân loại hàng hóa do Tổ chức Hải quan thế giới WCO phát hành (gọi chung là mã HS) (nếu có);

l) Đơn giá trúng thầu.

Điều 21. Các thông tin khác đăng tải trên Hệ thống và quy trình đăng tải trên Hệ thống

1. Ngoài các thông tin được đăng tải trên Hệ thống theo quy định tại các Điều 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18 và 20 của Thông tư này, các thông tin khác được đăng tải và thực hiện trên Hệ thống gồm:

a) Biên bản mở thầu đối với đấu thầu không qua mạng được đăng tải trên Hệ thống trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm mở thầu;

b) Quyết định hủy thầu được đăng tải trên Hệ thống trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định;

c) Văn bản giải quyết kiến nghị của chủ đầu tư, người có thẩm quyền được đăng tải trên Hệ thống trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành văn bản giải quyết kiến nghị;

d) Danh sách nhà thầu đáp ứng về kỹ thuật đối với đấu thầu không qua mạng được đăng tải trên Hệ thống trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt;

đ) Đối với phương thức đấu thầu hai giai đoạn, danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu giai đoạn một và danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật giai đoạn hai phải được đăng tải trên Hệ thống chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt;

e) Danh sách nhà thầu nước ngoài trúng thầu tại Việt Nam được đăng tải trên Hệ thống trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hợp đồng ký kết với nhà thầu nước ngoài có hiệu lực.

2. Quy trình đăng tải thông tin tại các Điều 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 20 và khoản 1 Điều này được thực hiện theo *Hướng dẫn sử dụng*.

Điều 22. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1. Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Điều 78 của Luật Đấu thầu.

2. Đăng tải thông tin quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, g, h, i và k khoản 1 Điều 7 của Luật Đấu thầu. Đối với gói thầu được tổ chức đấu thầu quốc tế, các thông tin quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 7 của Luật Đấu thầu bằng tiếng Việt và tiếng Anh; đối với thông tin quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 7 của Luật Đấu thầu, chủ đầu tư đăng tải bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt và tiếng Anh.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin đã đăng ký, đăng tải trên Hệ thống; kiểm tra và xác nhận việc đăng tải các thông tin của mình trên Hệ thống. Thông tin, tài liệu của chủ đầu tư đăng tải trên Hệ thống là cơ sở pháp lý để thực hiện.

4. Theo dõi, cập nhật các thông tin đã đăng tải trên Hệ thống và các thông tin mà Hệ thống phản hồi.

5. Đăng tải trên Hệ thống thông tin về nhà thầu nước ngoài trúng thầu tại Việt Nam theo Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư này; việc đăng tải thực hiện theo *Hướng dẫn sử dụng*. Thông tin được gửi đồng thời đến Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Tài chính trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

6. Quản lý và chịu trách nhiệm trong việc phân quyền cho các Tài khoản nghiệp vụ tương ứng với vai trò của mình; quản lý việc sử dụng chứng thư số trên Hệ thống.

Điều 23. Trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền trong lựa chọn nhà đầu tư

1. Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm đăng tải thông tin quy định tại các điểm a, b và e khoản 2 Điều 7 của Luật Đấu thầu.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của các thông tin đã đăng ký, đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và tính thống nhất giữa tài liệu đăng tải với tài liệu đã được phê duyệt.

3. Quản lý và chịu trách nhiệm trong việc phân quyền cho các Tài khoản nghiệp vụ tương ứng với vai trò của mình; quản lý việc sử dụng chứng thư số trên Hệ thống.

Điều 24. Trách nhiệm của bên mời thầu trong lựa chọn nhà đầu tư

1. Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 79 của Luật Đấu thầu.

2. Đăng tải thông tin quy định tại các điểm c, d và đ khoản 2 Điều 7 của Luật Đấu thầu. Đối với dự án đầu tư kinh doanh được tổ chức đấu thầu quốc tế, bên mời thầu phải đăng tải các thông tin này bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

3. Chịu trách nhiệm về tính thống nhất của tài liệu đăng tải trên Hệ thống với tài liệu đã được phê duyệt. Trường hợp có sự sai khác giữa tài liệu được đăng tải trên Hệ thống với tài liệu đã được phê duyệt thì tài liệu đăng tải trên Hệ thống là cơ sở pháp lý để thực hiện.

4. Theo dõi, cập nhật các thông tin đã đăng tải trên Hệ thống và các thông tin mà Hệ thống phản hồi.

5. Quản lý và chịu trách nhiệm trong việc phân quyền cho các Tài khoản nghiệp vụ tương ứng với vai trò của mình; quản lý việc sử dụng chứng thư số trên Hệ thống.

Điều 25. Trách nhiệm của Trung tâm và Doanh nghiệp dự án e-GP

1. Trung tâm có trách nhiệm:

a) Quản lý, giám sát vận hành Hệ thống và quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh, vận hành, phát triển Hệ thống của Doanh nghiệp dự án e-GP theo Hợp đồng BOT dự án e-GP, Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng các chi phí trong lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

b) Xây dựng tài liệu *Hướng dẫn sử dụng*; hỗ trợ tổ chức tham gia Hệ thống trong quá trình đăng ký, cung cấp, đăng tải thông tin và lựa chọn nhà thầu qua mạng;

c) Cung cấp các dịch vụ tuyên truyền, đào tạo, hướng dẫn tổ chức tham gia Hệ thống và triển khai các dịch vụ liên quan đến thông tin về đấu thầu, lựa chọn nhà thầu qua mạng;

d) Phối hợp với Doanh nghiệp dự án e-GP thực hiện các trách nhiệm quy định tại Điều 52 của Luật Đấu thầu.

2. Doanh nghiệp dự án e-GP có trách nhiệm:

a) Thực hiện các trách nhiệm quy định tại Điều 52 của Luật Đấu thầu;

b) Phối hợp với Trung tâm thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương III NỘI DUNG MẪU HỒ SƠ ĐẤU THẦU

Điều 26. Lập, trình, thẩm định (nếu có), phê duyệt E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT

1. Tổ chuyên gia lập E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT trên Hệ thống. Sau khi tổ chuyên gia lập E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT, tổ chuyên gia trình chủ đầu tư để chủ đầu tư tổ chức thẩm định (nếu có), phê duyệt E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT.

2. E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT phải bao gồm đầy đủ các thông tin cần thiết để làm cơ sở cho nhà thầu chuẩn bị E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT. Trường hợp chủ đầu tư đăng tải E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT không đầy đủ thông tin (thiếu thiết kế, bản vẽ và

các tài liệu khác) hoặc thông tin không rõ ràng, gây khó khăn cho nhà thầu trong việc chuẩn bị E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT thì E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT này không hợp lệ; chủ đầu tư phải sửa đổi, bổ sung E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT cho phù hợp và tiến hành đăng tải lại E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT. Việc sửa đổi E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 15 và khoản 2 Điều 18 của Thông tư này.

3. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, dịch vụ phi tư vấn, EPC, EP, EC, PC, máy đặt, máy mượn, bảng dữ liệu, tiêu chuẩn đánh giá về tính hợp lệ, yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm trong E-HSMST, E-HSMT được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống. Chủ đầu tư không được đính kèm các file yêu cầu khác về bảng dữ liệu, tiêu chuẩn đánh giá về tính hợp lệ, yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm trong E-HSMST, E-HSMT. Bảng dữ liệu, tiêu chuẩn đánh giá về tính hợp lệ, yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm không phải là bản được số hóa dưới dạng webform sẽ không được coi là một phần của E-HSMST, E-HSMT và nhà thầu không phải đáp ứng các yêu cầu này.

4. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, mời quan tâm, nếu năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT có sự thay đổi so với khi tham dự sơ tuyển, quan tâm thì nhà thầu phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình khi tham dự thầu.

5. Trường hợp E-HSMT có các nội dung dẫn đến hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu thì các nội dung này không phải là căn cứ để đánh giá E-HSDT theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Điều 27. Trách nhiệm của nhà thầu trong quá trình tham dự thầu

1. Nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin kê khai trên webform và file tài liệu đính kèm trong quá trình tham dự thầu. Nhà thầu nhập thông tin theo yêu cầu của E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT và đính kèm các file tài liệu để tạo thành bộ E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT như sau:

a) Thông tin về tính hợp lệ của E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT:

Đối với nội dung về bảo đảm dự thầu, nhà thầu kê khai thông tin và đính kèm bản scan bảo đảm dự thầu. Trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu điện tử, nhà thầu chọn bảo lãnh dự thầu do tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành, lưu trữ trên Hệ thống vào E-HSDT. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy;

Đối với các nội dung còn lại, nhà thầu chỉ kê khai thông tin trên webform mà không cần đính kèm bản scan các văn bản, tài liệu liên quan.

b) Thông tin về năng lực, kinh nghiệm:

Đối với hợp đồng tương tự, năng lực sản xuất: nhà thầu kê khai và đính kèm file tài liệu liên quan để chứng minh thông tin đã kê khai;

Đối với yêu cầu về nguồn lực tài chính: nhà thầu kê khai thông tin; trường hợp chủ đầu tư cho phép sử dụng cam kết cung cấp tín dụng và nhà thầu sử dụng cam kết cung cấp tín dụng để chứng minh nguồn lực tài chính, ngoài việc kê khai thông tin, nhà thầu phải đính kèm bản scan cam kết cung cấp tín dụng trong E-HSDST, E-HSDT;

Đối với doanh thu hằng năm, giá trị tài sản ròng: kể từ năm 2021, Hệ thống tự động trích xuất số liệu về báo cáo tài chính từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử vào hồ sơ năng lực của nhà thầu;

Đối với các nội dung khác: nhà thầu kê khai trên webform mà không cần đính kèm bản scan các văn bản, tài liệu liên quan;

Đối với số liệu về báo cáo tài chính kể từ năm 2021, trường hợp nhà thầu phát hiện Hệ thống chưa cập nhật số liệu so với Hệ thống thuế điện tử của các năm từ năm 2021 thì nhà thầu sửa đổi thông tin cho phù hợp với số liệu đã báo cáo với cơ quan thuế; trường hợp số liệu mà nhà thầu cập nhật, sửa đổi trên Hệ thống không thống nhất với số liệu trên Hệ thống thuế điện tử dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu bị coi là gian lận, vi phạm khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu.

2. Nhà thầu có trách nhiệm nghiên cứu E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT đối với các gói thầu mà nhà thầu quan tâm để chuẩn bị E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT cho phù hợp với yêu cầu của E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT. Trường hợp phát hiện E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT có các nội dung không rõ ràng, gây khó khăn cho nhà thầu trong việc chuẩn bị E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT thì nhà thầu phải yêu cầu chủ đầu tư làm rõ E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT để chủ đầu tư sửa đổi, bổ sung các tài liệu này cho phù hợp.

3. Nhà thầu có trách nhiệm theo dõi, cập nhật các thông tin trên Hệ thống đối với gói thầu mà nhà thầu quan tâm hoặc tham dự. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi về E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT, thời gian nộp E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT, thời gian làm rõ E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT, thời gian thương thảo hợp đồng và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.

4. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho giám đốc chi nhánh, giám đốc công ty con hạch toán phụ thuộc, giám đốc xí nghiệp và người đứng đầu đơn vị hạch toán phụ thuộc khác để thực hiện các công việc trong quá trình tham dự thầu thì việc tham dự thầu trên Hệ thống phải được thực hiện bằng tài khoản tham gia Hệ thống của nhà thầu mà không được sử dụng tài khoản tham gia Hệ thống của chi nhánh, công ty con, xí nghiệp, đơn vị hạch toán phụ thuộc khác. Trường hợp sử dụng tài khoản tham gia Hệ thống của chi nhánh hoặc các đơn vị phụ thuộc (hạch toán phụ thuộc) thì nhà thầu sẽ bị coi là không đáp ứng về tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu.

5. Thực hiện các trách nhiệm khác bao gồm:

a) Đăng ký tham gia Hệ thống để bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu;

b) Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Điều 82 của Luật Đấu thầu;

c) Quản lý tài khoản tham gia Hệ thống, chứng thư số đăng ký trên Hệ thống.

Điều 28. Nội dung về hàng mẫu

E-HSMT không được đưa ra yêu cầu về hàng mẫu; trường hợp cần yêu cầu về hàng mẫu để đánh giá về kỹ thuật thì chủ đầu tư phải bảo đảm việc yêu cầu cung cấp hàng mẫu không dẫn đến làm tăng chi phí của gói thầu, hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu cung cấp hàng mẫu, nhà thầu có thể nộp bổ sung hàng mẫu trong thời hạn 05 ngày làm việc sau thời điểm đóng thầu.

Điều 29. Mở thầu đối với lựa chọn nhà thầu qua mạng

1. Đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ:

Chủ đầu tư phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn 02 giờ kể từ thời điểm đóng thầu.

2. Đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ:

a) Chủ đầu tư phải tiến hành mở E-HSĐXKT và công khai biên bản mở E-HSĐXKT trên Hệ thống trong thời hạn 02 giờ kể từ thời điểm đóng thầu;

b) Sau khi có quyết định phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, chủ đầu tư đăng tải danh sách này trên Hệ thống và đính kèm bản chụp (scan) văn bản phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trên Hệ thống. Sau khi đăng tải thành công, Hệ thống gửi thông báo đến các nhà thầu tham dự gói thầu;

c) Sau khi đăng tải danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, chủ đầu tư mở E-HSĐXTC của các nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và công khai biên bản mở E-HSĐXTC trên Hệ thống.

Điều 30. Đánh giá E-HSDT

1. Quy trình đánh giá E-HSDT:

a) Quy trình 01 áp dụng cho tất cả các gói thầu, gồm: đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT; đánh giá về năng lực và kinh nghiệm; đánh giá về kỹ thuật; đánh giá về tài chính.

Đối với gói thầu mua sắm tập trung cần lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, việc đánh giá về bảo đảm dự thầu, doanh thu bình quân hằng năm, hợp đồng tương tự, năng lực sản xuất được thực hiện tại bước đánh giá về tài chính.

b) Quy trình 02 áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn, máy đặt, máy mượn theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ, sử dụng phương pháp "giá thấp nhất" và các nhà thầu, E-HSDT đều không có bất kỳ ưu đãi nào. Căn cứ vào biên bản mở thầu, Hệ thống tự động xếp hạng nhà thầu theo giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị

giảm giá (nếu có) thấp nhất (không phải phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu trong trường hợp này). Trường hợp có từ 02 nhà thầu trở lên cùng xếp thứ nhất thì không đánh giá theo quy trình 02 mà phải đánh giá theo quy trình 01.

- Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT của nhà thầu xếp hạng thứ nhất.

- Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu xếp hạng thứ nhất.

- Đánh giá về kỹ thuật của nhà thầu xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp nhà thầu xếp hạng thứ nhất không đáp ứng thì đánh giá đối với nhà thầu xếp hạng tiếp theo.

c) Đối với gói thầu áp dụng theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ, căn cứ vào E-HSDT của các nhà thầu đã nộp trên Hệ thống và phương pháp đánh giá E-HSDT quy định trong E-HSMT, tổ chuyên gia được chọn một trong hai quy trình quy định tại điểm a và điểm b khoản này để đánh giá E-HSDT. Quy trình 02 chỉ thực hiện khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại điểm b khoản này.

2. Trường hợp chỉ có 01 nhà thầu tham dự thầu hoặc chỉ có 01 nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì không cần xác định giá đánh giá (trong trường hợp gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá), điểm tổng hợp (trong trường hợp gói thầu áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá), không cần xác định ưu đãi, không cần xếp hạng nhà thầu.

3. Sau khi đánh giá E-HSDT, tổ trưởng tổ chuyên gia đính kèm bản scan báo cáo đánh giá E-HSDT (có chữ ký của tất cả thành viên trong tổ chuyên gia) trên Hệ thống. Tổ trưởng tổ chuyên gia chịu trách nhiệm về sự thống nhất giữa bản báo cáo đánh giá E-HSDT scan đính kèm trên Hệ thống và bản báo cáo đánh giá E-HSDT bằng giấy có chữ ký của các thành viên trong tổ chuyên gia.

Điều 31. Trình, thẩm định (nếu có) và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Tổ chuyên gia lập báo cáo đánh giá theo quy định tại khoản 5 Điều 32 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP trình chủ đầu tư. Chủ đầu tư tổ chức đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) trên cơ sở báo cáo đánh giá của tổ chuyên gia.

Tổ thẩm định (đơn vị được giao thẩm định) thực hiện thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu trên cơ sở báo cáo đánh giá của tổ chuyên gia, biên bản đối chiếu tài liệu, biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có).

2. Chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này trên cơ sở báo cáo đánh giá E-HSDT, biên bản đối chiếu tài liệu, biên bản thương thảo hợp đồng và báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có).

Điều 32. Hợp đồng điện tử

1. Hợp đồng của gói thầu áp dụng đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh, chào giá trực tuyến, mua sắm trực tuyến quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư này mà việc thanh toán hợp đồng được thực hiện qua Kho bạc nhà nước phải được ký kết trên Hệ thống theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 50 của Luật Đấu thầu. Khuyến khích

áp dụng hợp đồng điện tử đối với gói thầu áp dụng hình thức đặt hàng, chỉ định thầu, mua sắm trực tiếp, đàm phán giá, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, gói thầu có sự tham gia của cộng đồng, lựa chọn tư vấn cá nhân theo quy trình rút gọn và gói thầu mà việc thanh toán hợp đồng không được thực hiện qua Kho bạc nhà nước.

2. Tài liệu hợp đồng điện tử là một phần của hồ sơ hợp đồng quy định tại Điều 65 của Luật Đấu thầu và được các bên ký số bao gồm:

a) Văn bản hợp đồng;

b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);

c) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có);

d) Tài liệu khác (nếu có).

3. Trừ trường hợp đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh, chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường, tài liệu hợp đồng điện tử có thể chỉ bao gồm một hoặc một số tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Văn bản hợp đồng được lập theo Mẫu hợp đồng điện tử trong E-HSMT quy định tại Thông tư này hoặc quy định pháp luật có liên quan. Chủ đầu tư được chỉnh sửa, bổ sung các nội dung trong các mẫu hợp đồng điện tử trong E-HSMT để phù hợp với quy mô, tính chất của gói thầu. Trường hợp E-ĐKCT đã được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng (nếu có) thì các nội dung này không phải đưa vào văn bản hợp đồng để tránh trùng lặp.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 33. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2024/TT-BKHĐT ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về quản lý và sử dụng các chi phí trong lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“**Điều 4. Mức thu các loại chi phí**

1. Chi phí duy trì tên và hồ sơ năng lực của nhà thầu trên Hệ thống thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 14 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Chi phí trong lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

2. Chi phí nộp hồ sơ dự thầu trên Hệ thống thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 14 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

3. Chi phí đối với nhà thầu trúng thầu của gói thầu đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh, chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường áp dụng đấu thầu qua mạng thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 9 Điều 14 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

4. Chi phí kết nối chức năng bảo lãnh dự thầu điện tử giữa Hệ thống với các tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 9 Điều 14 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7 như sau:

“3. Tổ chức lập, phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch, quyết toán thu chi hằng năm:

a) Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia lập kế hoạch thu và kế hoạch chi liên quan đến lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống theo các nội dung tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này trình Hội đồng quản lý Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia (sau đây gọi là Hội đồng quản lý) phê duyệt hoặc báo cáo, xin ý kiến Cục Quản lý đấu thầu trước khi Giám đốc Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia phê duyệt (trong trường hợp Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia chưa thành lập Hội đồng quản lý);

b) Trường hợp phát sinh nhiệm vụ, Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia điều chỉnh các khoản thu, chi tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này trình Hội đồng quản lý phê duyệt hoặc báo cáo, xin ý kiến Cục Quản lý đấu thầu trước khi Giám đốc Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia phê duyệt (trong trường hợp Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia chưa thành lập Hội đồng quản lý)

c) Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia có trách nhiệm lập quyết toán thu, chi theo các nội dung tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này và quyết toán theo quy định.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 8 như sau:

“a) Có ý kiến đối với kế hoạch thu và kế hoạch chi hằng năm của Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia (trong trường hợp Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia chưa thành lập Hội đồng quản lý) theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 của Thông tư này;”.

4. Bổ sung điểm c1 vào sau điểm c khoản 3 Điều 8 như sau:

“c1) Phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch thu và kế hoạch chi hằng năm của Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia (trong trường hợp Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia chưa thành lập Hội đồng quản lý) theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 của Thông tư này.”.

Điều 34. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các gói thầu đã phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 nhưng đến ngày Thông tư này có hiệu lực chưa đóng thầu thì chủ đầu tư xem xét, quyết định lựa chọn theo một trong hai cách như sau:

a) Tiếp tục tổ chức lựa chọn danh sách ngắn, lựa chọn nhà thầu, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 57/2024/QH15, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2025/NĐ-CP và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

b) Hủy thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời thầu E-TBMQT, E-TBMST, E-TBMT và được điều chỉnh, sửa đổi kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu cần thiết), hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT để tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và Thông tư này, trừ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 10 của Luật số 90/2025/QH15.

2. Các gói thầu đã phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 và mở thầu trước ngày 04 tháng 8 năm 2025 thì tiếp tục tổ chức lựa chọn danh sách ngắn, lựa chọn nhà thầu, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2025/NĐ-CP và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

3. Các gói thầu đã phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 trở đi và trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, việc lựa chọn danh sách ngắn, lựa chọn nhà thầu, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật Đấu thầu sửa đổi năm 2025), các nội dung của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 17/2025/NĐ-CP), các văn bản hướng dẫn còn phù hợp với quy định của Luật Đấu thầu sửa đổi năm 2025.

4. Trường hợp thay đổi hình thức lựa chọn nhà thầu từ không qua mạng thành qua mạng thì chủ đầu tư không phải phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu mà tiến hành chỉnh sửa hình thức lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống từ không qua mạng thành qua mạng. Quy trình chỉnh sửa thực hiện theo *Hướng dẫn sử dụng*.

Điều 35. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 8 năm 2025, trừ trường hợp đối với chào giá trực tuyến gói thầu xây lắp theo quy trình rút gọn được thực hiện trên Hệ thống kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2025.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT hết hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các thông tin trong quá trình lựa chọn nhà thầu cần bảo mật và không thể công khai trên Hệ thống, chủ đầu tư quyết định việc đăng tải thông tin trong quá trình lựa chọn nhà thầu.

4. Trường hợp gói thầu đặc thù mà nếu áp dụng tiêu chuẩn đánh giá về doanh thu, hợp đồng tương tự của Mẫu E-HSMST, E-HSMQT, E-HSMT ban hành kèm theo Thông tư này sẽ có ít hơn 03 nhà thầu đáp ứng yêu cầu về doanh thu bình quân hằng năm, hợp đồng tương tự thì chủ đầu tư được chỉnh sửa các yêu cầu này theo nguyên tắc sau:

a) Việc chỉnh sửa yêu cầu về doanh thu bình quân hằng năm, hợp đồng tương tự khác với quy định của các Mẫu E-HSMST, E-HSMQT, E-HSMT phải bảo đảm việc phân chia gói thầu là hợp lý, quy mô gói thầu không quá lớn để hạn chế cạnh tranh;

b) Khi trình phê duyệt E-HSMST, E-HSMQT, E-HSMT, tổ chuyên gia phải nêu rõ việc chỉnh sửa E-HSMST, E-HSMQT, E-HSMT trong tờ trình để chủ đầu tư xem xét;

c) Trong mọi trường hợp, chủ đầu tư phải bảo đảm không làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu; nhà thầu được lựa chọn có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu.

5. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, khi lập hồ sơ mời thầu đối với lựa chọn nhà thầu không qua mạng, việc lập hồ sơ mời thầu được thực hiện như sau:

a) Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn áp dụng hình thức đấu thầu quốc tế, chủ đầu tư chỉnh sửa các Mẫu hồ sơ mời thầu ban hành kèm theo các Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định quy định về đấu thầu mua sắm theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu, Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len trên cơ sở bảo đảm không trái với quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

b) Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, hỗn hợp áp dụng hình thức đấu thầu trong nước, chủ đầu tư chỉnh sửa các Mẫu E-HSMT ban hành kèm theo Thông tư này trên cơ sở bảo đảm không trái với quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và phù hợp với cách thức tổ chức lựa chọn nhà thầu không qua mạng.

6. Hằng năm, Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu trên Hệ thống phù hợp với lịch nghỉ lễ, Tết theo thông báo của Bộ Nội vụ.

7. Việc chỉnh sửa các biểu mẫu dưới dạng webform trên Hệ thống thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 146 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

8. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp, các tập đoàn kinh tế nhà nước, các tổng công ty nhà nước và tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến về Bộ Tài chính để kịp thời hướng dẫn./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG
Đã ký
Nguyễn Đức Tâm

- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ; Công báo;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Cục QLĐT ( )